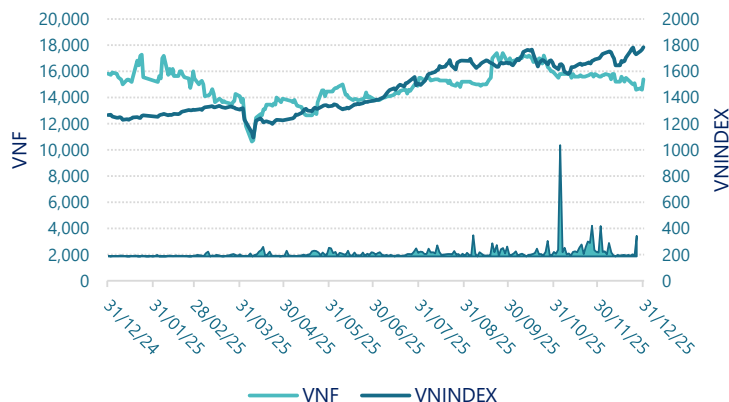


CTCP VINAFREIGHT (HNX: VNF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,636
SL cổ phiếu LH	31,700,380
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,900
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	488
P/E	8.6
EPS	1,798

DT thuần

Q4/25

512

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 95.0 | 22.8%

YoY: ▲ 27.0 | 5.6%

LN sau thuế

Q4/25

14.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.50 | -23.4%

YoY: ▼ 0.80 | -5.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.3%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2025

1,657

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 116 | -6.5%

LN sau thuế

2025

63.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 9.70 | -13.3%

ROE

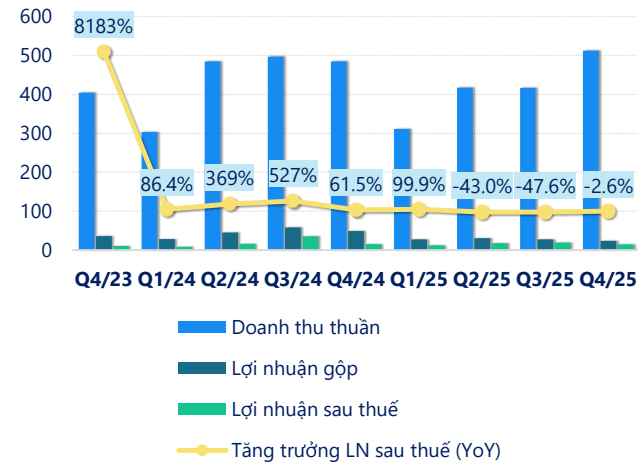
2025

9.1%

+/- YoY: ▼ 0.9%

tỷ VNĐ

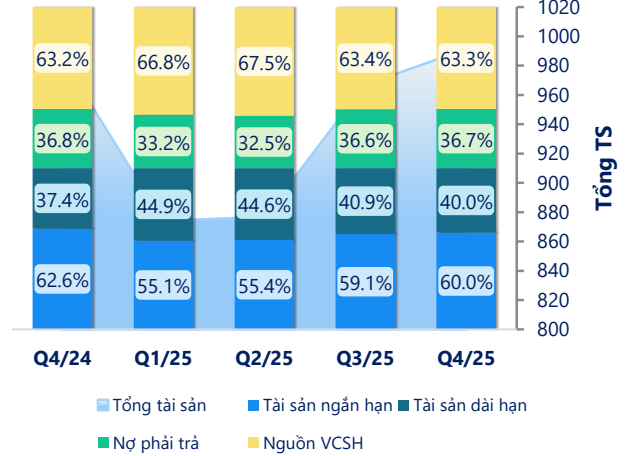
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

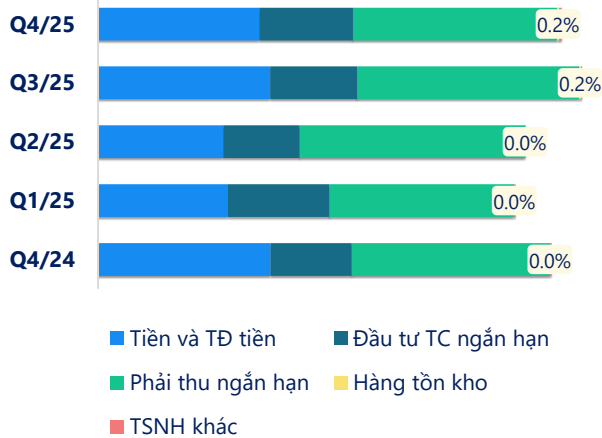
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



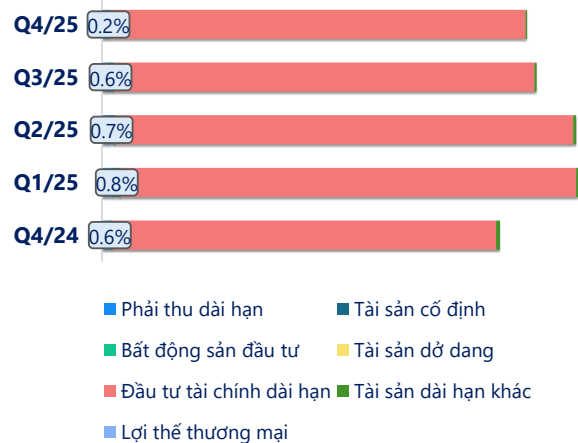
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

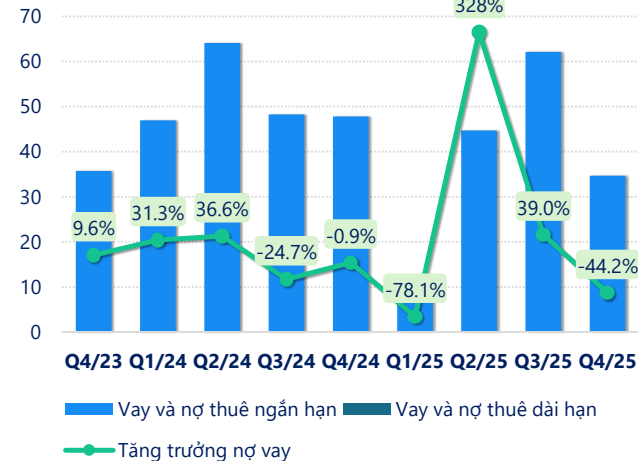
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

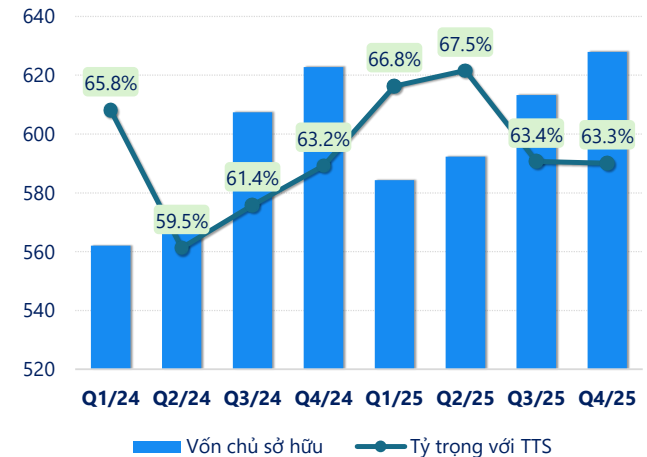
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

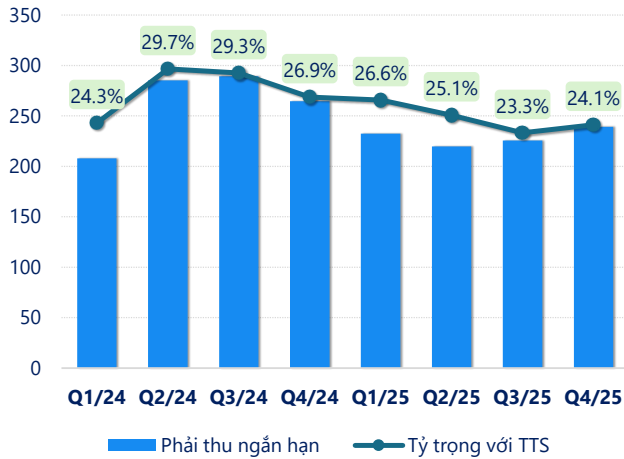
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



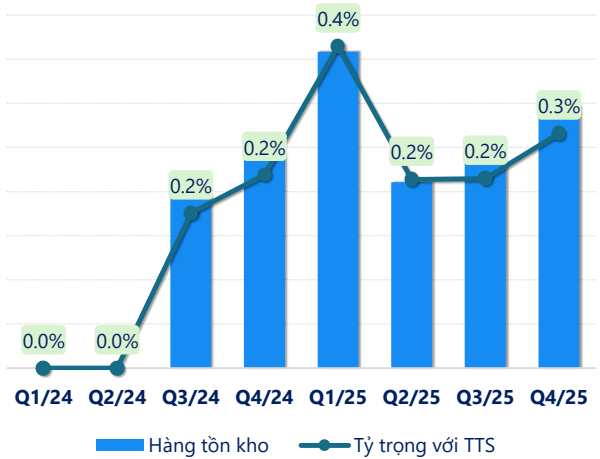
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


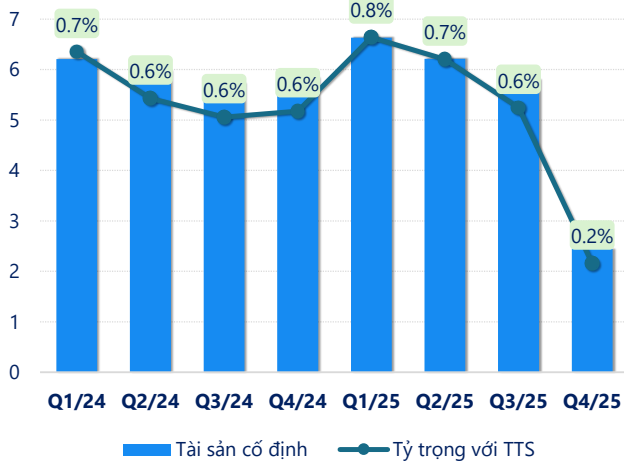
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


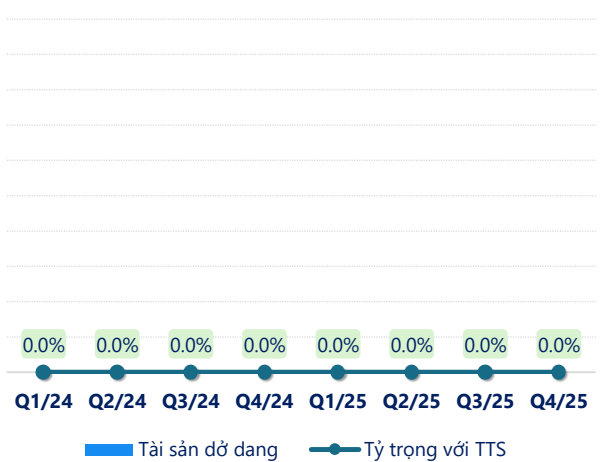
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

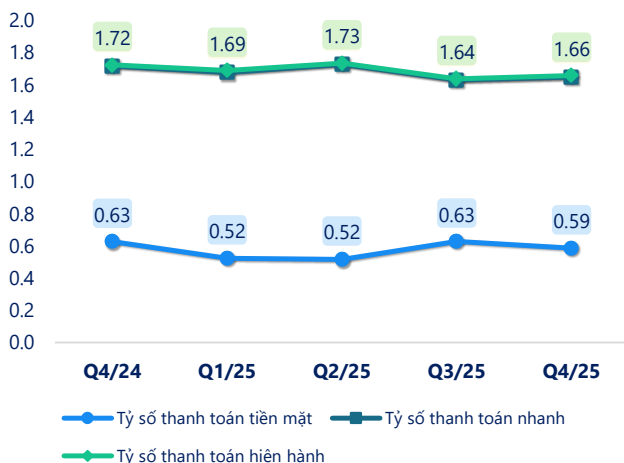
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

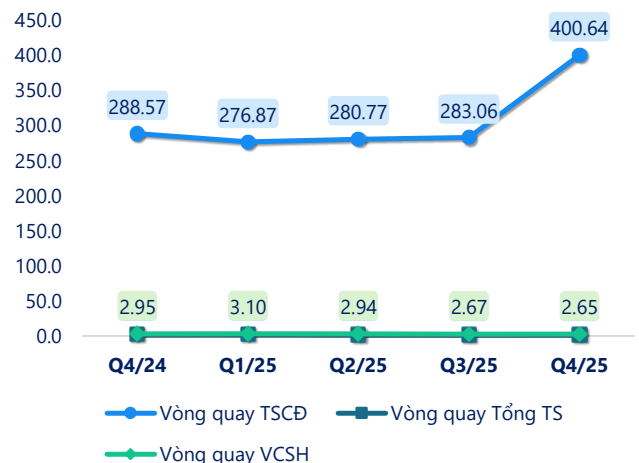
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	985	874	877	967	991
Tài sản ngắn hạn	616	482	486	572	595
Tiền và tương đương tiền	224	149	145	219	210
Đầu tư tài chính ngắn hạn	122	93.0	111	119	135
Phải thu ngắn hạn	265	232	220	226	239
Hàng tồn kho	2.43	3.58	2.11	2.34	2.97
Tài sản ngắn hạn khác	3.67	3.51	7.94	5.91	7.49
Tài sản dài hạn	369	392	391	395	396
Phải thu dài hạn	4.34	8.87	4.88	4.89	4.88
Tài sản cố định	5.83	6.63	6.21	5.80	2.44
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	355	374	378	383	387
Tài sản dài hạn khác	3.42	2.50	2.31	1.92	1.52
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	362	290	285	354	363
Nợ ngắn hạn	357	285	280	349	359
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.8	10.5	44.7	62.1	34.7
Phải trả người bán ngắn hạn	95.4	47.2	47.9	80.5	149
Nợ dài hạn	4.64	4.44	4.46	4.47	4.43
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	623	584	592	613	628
Vốn chủ sở hữu	623	584	592	613	628
Vốn điều lệ	317	317	317	317	317
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)